

Hiện nay, báo cáo tài chính là một công cụ hữu ích giúp các nhà đầu tư dựa vào đó đưa ra các quyết định của mình. Với xu hướng phát triển của thị trường tài chính quốc tế đòi hỏi các báo cáo tài chính phải so sánh được với nhau. Tuy nhiên, các quốc gia có thể áp dụng các chuẩn mực kế toán khác nhau để lập báo cáo tài chính, điều này có thể dẫn đến một số sai lệch. Ở VN hiện nay đã ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán VN (VAS) dựa trên việc kế thừa và điều chỉnh từ hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS). Nghiên cứu này được tiến hành trên cơ sở so sánh và phân tích hai hệ thống chuẩn mực kế toán VAS và IAS trên một số khía cạnh liên quan đến các thông tin kế toán được sử dụng trong quá trình ra quyết định của nhà đầu tư. Áp dụng cho một số trường hợp cụ thể, kết quả cho thấy sự khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán VN so với chuẩn mực kế toán quốc tế có thể vô hình chung làm đẹp cho các số liệu trong báo cáo tài chính nhưng mặt khác lại làm sai lệch quyết định của nhà đầu tư.

VAS VÀ IAS DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Võ Thị Quý & Nguyễn Thị Liên Hương

1. Giới thiệu các nghiên cứu có liên quan

Cùng với sự phát triển nhanh của quá trình toàn cầu hóa, dòng vốn quốc tế cũng chảy về nhiều thị trường vốn khác nhau, đặc biệt là các thị trường mới nổi như nước ta. Các nhà đầu tư nước ngoài thường xuyên thiết lập và điều chỉnh danh mục đầu tư toàn cầu. Việc đầu tư xuyên quốc gia là một hiện tượng phổ biến và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của nhiều nền kinh tế. Chính vì vậy, việc lựa chọn môi trường đầu tư và phân bổ vốn giữa các thị trường giúp họ thường xuyên đánh giá các cơ hội

đầu tư so sánh và quyết định đầu tư.

Theo Robert Harris (2008), ra quyết định chính là việc xác nhận và lựa chọn các phương án dựa trên giá trị của chúng hoặc do sự yêu thích của người ra quyết định. Quá trình ra quyết định được ngụ ý rằng có nhiều sự lựa chọn được cân nhắc và trong mỗi trường hợp như vậy chúng ta không chỉ nhận dạng ra nhiều giải pháp thay thế nhau mà còn phải chọn được giải pháp đáp ứng được hai yêu cầu: (1) có nhiều khả năng thành công hoặc hiệu quả nhất; và (2) đó là giải pháp đạt được mục tiêu, sự mong muốn, hay sở thích của người ra

quyết định.

Thực tế các nhà đầu tư thường phân tích cơ hội đầu tư để ra quyết định, phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Các nhà đầu tư dài hạn, chuyên nghiệp thường chú trọng phân tích cơ bản, là phương pháp đánh giá giá trị nội tại của một doanh nghiệp hay cổ phiếu do doanh nghiệp đó phát hành. Việc xác định giá trị nội tại của một doanh nghiệp phụ thuộc vào việc phân tích tình hình tài chính cũng như tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để xem xét chất lượng của công ty cũng như sự phát triển của công ty theo dòng thời gian. Xác định giá trị doanh nghiệp để ra quyết định đầu tư là mục tiêu chính của phân tích cơ bản. Trong phân tích cơ bản, thông tin kế toán của doanh nghiệp được công bố ra bên ngoài qua các báo cáo tài chính, đây là nguồn thông tin quan trọng và chủ yếu để nhà đầu tư phân tích, đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp và giá trị doanh nghiệp.

Theo nghiên cứu của Võ Thị Ánh Hồng (2008), nhà đầu tư thường phân tích các chỉ tiêu tài chính sau đây để đưa ra quyết định đầu tư khi áp dụng phương pháp phân tích cơ bản: thu nhập trên mỗi cổ phiếu thường (Earnings Per Share - EPS), suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu (Return On Equity - ROE), chỉ số giá thị trường trên thu nhập cổ phiếu (Price to EPS - P/E), hệ số hoàn vốn (Return On Assets - ROA), tổng nợ trên vốn chủ sở hữu (Debt Ratio - DR), tỷ suất doanh lợi ròng (Profit Margin - PM).

Nghiên cứu của Mary E.Barth và Mark H.Lang (2007) khẳng định chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) là một chuẩn mực kế toán gắn liền với chất lượng kế toán cao. Nghiên cứu tiến hành trên 21 quốc gia và cho thấy chất lượng kế toán đã được cải thiện hơn khi sử dụng chuẩn mực kế toán quốc tế so với trước khi sử dụng IAS.

Mingyi Hung và K.R.Subramabyam (2007) đã nghiên cứu ảnh hưởng của báo cáo tài chính được lập dựa trên chuẩn mực kế toán quốc tế trong giai đoạn từ 1998 đến 2002 và chỉ ra rằng thông tin về tổng tài sản và giá trị sổ sách của tài sản cũng như việc thay đổi của giá trị sổ sách và thu nhập đáng tin cậy hơn khi áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế so với trường hợp áp dụng chuẩn mực kế toán chung của Đức.

Theo Geoffrey Mazullo (1999), Công ty Daimler Benz vào năm 1993 đã phải công bố quỹ dự trữ vào khoảng 4 tỷ DM (tương đương 2 tỷ USD) trên

thị trường NewYork mà theo luật của Đức thì công ty không cần phải công bố khoản quỹ này. Thông tin này gây ra sự phẫn nộ của các cổ đông của Công ty Daimler Benz ở Đức mà nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán.

Theo đánh giá của nhà đầu tư nước ngoài, VN là một thị trường đầu tư tiềm năng hiện tại và trong thời gian tới. Dòng vốn ngoại đang chảy vào thị trường vốn nước ta và chiếm khoảng 10% vốn tham gia thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, các công ty trong nước cũng đang dự tính niêm yết giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán thế giới, một yêu cầu khách quan được đặt ra là báo cáo tài chính của các công ty VN phải được lập dựa trên các chuẩn mực kế toán quốc tế để các nhà đầu tư có thể so sánh giữa các báo cáo tài chính của các công ty VN và các công ty ở các quốc gia khác, vì một khi có sự khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán thì các thông tin trong các báo cáo tài chính của một công ty được công bố trên các thị trường sẽ khác nhau.

2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này kết hợp nghiên cứu so sánh và nghiên cứu tình huống. Các phương pháp thu thập thông tin chủ yếu là nghiên cứu tại bàn, phỏng vấn và sử dụng các ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực kế toán tài chính và đầu tư. Các thông tin được thu thập, phân tích, tổng hợp và so sánh đối chiếu để tìm ra sự khác biệt và ảnh hưởng của chúng đến quyết định đầu tư.

Đối tượng nghiên cứu là những khác biệt của các thông tin kế toán được xử lý dựa trên hai chuẩn mực kế toán VN và quốc tế dưới góc nhìn của nhà đầu tư.

Công trình này chỉ tập trung nghiên cứu các sai lệch trọng yếu giữa hai hệ thống chuẩn mực dẫn đến sự khác biệt của các thông tin kế toán dưới góc nhìn của nhà đầu tư, không đi sâu phân tích sự khác biệt của từng chuẩn mực kế toán của hai hệ thống. Nếu phân tích sâu vào sự khác biệt của hệ thống hai chuẩn mực kế toán có thể kể đến sự khác biệt trong số lượng cũng như nội dung của từng hệ thống chuẩn mực. Nghiên cứu này chỉ tiếp cận vấn đề trên góc độ ra quyết định của nhà đầu tư, không bàn đến khía cạnh nghiệp vụ kế toán.

3. Những điểm khác biệt quan trọng trong 2 hệ thống chuẩn mực kế toán

Cho đến 01/01/2009, IASC và IASB đã ban

hành được 30 chuẩn mực kế toán quốc tế IAS và 8 chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Trong khi đó, VN chỉ mới ban hành được 26 chuẩn mực kế toán sau 5 đợt ban hành. Vì vậy, một số nội dung kế toán tại VN chưa được hướng dẫn bởi các nguyên tắc của chuẩn mực kế toán. Hiện nay, đang có sự dịch chuyển dần từ IAS sang IFRS (International Financial Report Standards). Trong đó, IAS sử dụng giá gốc nhiều hơn, trong khi IFRS sử dụng giá trị hợp lý. IFRS đề cập nhiều hơn đến việc trình bày thông tin tài chính như thế nào để đảm bảo lợi ích cao hơn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính được lập ra từ kết quả của công việc kế toán, theo Mai Hương (2008).

Đối với các chuẩn mực kế toán VN đã được ban hành thì một số nội dung của chuẩn mực kế toán VN cũng chưa thực sự phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế. Một số điểm của chuẩn mực này trình bày cụ thể hơn chuẩn mực kia và ngược lại, hoặc còn một vài khác biệt về thuật ngữ, hoặc về các phương pháp được áp dụng, và phạm vi trình bày (PGS.TS. Đoàn Xuân Tiến, 2008).

Do đặc thù của hệ thống kế toán VN, việc hạch toán kế toán cũng như việc trình bày các báo cáo tài chính phải phù hợp với các quy định của Bộ Tài chính ban hành. Chính vì vậy ở một số điểm, hệ thống kế toán VN vẫn còn cứng nhắc, thiếu sự mềm dẻo và linh hoạt trong các quy tắc kế toán, thể hiện rõ nhất ở tài khoản kế toán sử dụng và hệ thống báo cáo tài chính.

Điểm khác biệt quan trọng giữa hai hệ thống chuẩn mực kế toán được thể hiện rõ nhất ở phương pháp đánh giá hệ thống các chỉ tiêu tài chính. Với VAS, phương pháp đánh giá chủ yếu sử dụng phương pháp giá gốc, còn với IAS được phép sử dụng cả hai phương pháp: giá gốc và giá trị hợp lý. Nguyên tắc giá gốc làm cho báo cáo tài chính của doanh nghiệp mang tính bảo thủ cao, không phản ánh được một cách chính xác giá trị hiện tại của các tài sản khi được đánh giá lại (Bùi Công Khánh, 2007).

Sự khác biệt giữa hai hệ thống chuẩn mực nói trên chủ yếu là ở hệ thống đánh giá và phương pháp trình bày các báo cáo tài chính. Có thể điểm qua một số nét chính như sau:

Kế toán hàng tồn kho: Hiện nay, chuẩn mực kế toán quốc tế đã không còn sử dụng tính giá hàng tồn kho nhập sau xuất trước (LIFO – Last In First Out). Việc tiếp tục cho sử dụng phương pháp này trong chuẩn mực kế toán VN có thể dẫn

đến sự sai lệch trong giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đặc biệt là trong giai đoạn thị trường tăng giá, với giả thiết rằng các hàng hóa cũ chi phí thấp được bán đi và các hàng hóa cao được tồn tại thì phương pháp LIFO dẫn đến giá trị hàng tồn kho trong bảng cân đối kế toán sẽ cao, giá vốn hàng bán trên báo cáo thu nhập thấp, tạo ra lợi nhuận kế toán cao hơn. Như vậy, các báo cáo tài chính trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Kế toán tài sản cố định hữu hình: Theo chuẩn mực kế toán VN VAS 03, phương pháp đánh giá lại giá trị tài sản cố định hữu hình chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa tại VN. Ngoài ra, giá trị tài sản cố định hữu hình sau khi ghi nhận ban đầu chỉ cho phép sử dụng phương pháp giá gốc và không được phép đánh giá lại. Ngược lại, theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 16, việc xác định giá trị tài sản cố định có hai phương pháp giá gốc và phương pháp đánh giá lại. Giá sử dụng để đánh giá lại phải là giá trị hợp lý tại ngày đánh giá lại trừ đi khấu hao lũy kế và các khoản lỗ do giá trị tài sản bị tổn thất.

Kế toán các khoản đầu tư: Theo chuẩn mực kế toán VN, trong các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, kế toán các khoản đầu tư chỉ được áp dụng phương pháp giá gốc. Phương pháp vốn chủ sở hữu chỉ được áp dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngược lại, theo chuẩn mực kế toán quốc tế, trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, các khoản đầu tư vào công ty con có thể trình bày theo phương pháp giá gốc và phương pháp vốn chủ sở hữu. Việc không sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu sẽ không phản ánh kịp thời giá trị các khoản đầu tư của công ty, đặc biệt trong trường hợp được tăng giá do hiệu quả kinh doanh của công ty con.

Kế toán bất động sản đầu tư: Mặc dù VAS 05 được xây dựng dựa trên IAS 40 tuy nhiên vẫn có sự khác biệt trong mô hình xác định giá của bất động sản đầu tư. Theo IAS 40, bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và doanh nghiệp được phép lựa chọn một trong hai mô hình ghi nhận giá trị của bất động sản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu đó là mô hình giá gốc và mô hình giá trị hợp lý. Ngược lại, VAS 05 chỉ được áp dụng một mô hình duy nhất là mô hình giá gốc.

Cổ tức trả bằng cổ phiếu: Theo Thông tư

95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, khi doanh nghiệp nhận được thông báo của tổ chức phát hành chứng khoán về khoản cổ tức được hưởng bằng cổ phiếu tương ứng với số chứng khoán đầu tư dài hạn thuộc sở hữu của công ty mà tổ chức phát hành, kế toán ghi nhận doanh thu theo giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhận cổ tức. Tuy nhiên, theo chuẩn mực kế toán quốc tế thì khoản nhận cổ tức này sẽ không được ghi nhận doanh thu tại thời điểm nhận được thông báo mà chỉ ghi nhận và theo dõi số lượng cổ phiếu nhận được ở ngoài bảng, việc ghi nhận doanh thu sẽ được thực hiện khi và chỉ khi bán phần cổ phiếu trả này ra thị trường.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu: Đối với chuẩn mực kế toán VN, chỉ tiêu “Tổng số lãi dành cho các cổ đông phổ thông” hiện nay còn bỏ qua nhiều khoản mục quan trọng. Lợi nhuận dành cho cổ đông chưa trừ đi các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi mà chỉ đơn thuần trừ đi phần cổ tức của cổ phiếu ưu đãi. Hiện nay, chế độ kế toán ở VN không bắt buộc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu pha loãng trong báo cáo tài chính. Trong những trường hợp công ty phát hành các công cụ tài chính chưa có quyền đòi chia lãi như cổ phiếu phổ thông, nếu nhà đầu tư dùng EPS cơ bản để dự đoán EPS cho tương lai sẽ dẫn đến những sai lầm. EPS pha loãng sẽ chỉ cho các nhà đầu tư những ảnh hưởng có thể có của việc pha loãng EPS trong tương lai, rất cần thiết cho quyết định đầu tư.

Lãi từ hoạt động kinh doanh: Hiện nay, báo cáo tài chính của VN vì bắt buộc phải trình bày theo biểu mẫu nhất định nên chưa tách bạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính. Vì vậy chưa cung cấp được góc nhìn tốt hơn về khả năng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Vốn chủ sở hữu: Tại VN, theo các thông tư hướng dẫn việc trình bày vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán, vốn chủ sở hữu bao gồm cả các khoản không thuộc tính chất là nguồn vốn (ví dụ như: quỹ dự trữ bổ sung, vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi thực chất là khoản phải trả cho nhân viên, hoặc hội đồng quản trị).

Hiện nay, Bộ Tài chính đang ban hành dự thảo Thông tư để lấy ý kiến đóng góp để sửa đổi cho chế độ kế toán hiện hành của doanh nghiệp thì quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trình bày là

một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả: Hiện nay, theo VAS, khoản cổ tức phải trả vẫn nằm trong khoản lợi nhuận chưa phân phối. Tuy nhiên, vì đây là một nghĩa vụ chắc chắn phát sinh nên khi lập báo cáo tài chính, công ty nên dự kiến khoản cổ tức phải trả và ghi nhận nó là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Khoản phải thu, phải trả: Hiện nay, theo VAS, các khoản phải thu và phải trả phải trình bày theo nội dung ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời, các khoản phải thu và phải trả lại không trình bày theo tính chất phải thu, phải trả thương mại hay đầu tư là chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Quy định nói trên có thể ảnh hưởng sai lệch đến việc đánh giá khả năng thanh toán của doanh nghiệp, nên được điều chỉnh cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

Lợi thế thương mại: Theo VAS 11, lợi thế thương mại được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh (nếu giá trị nhỏ) hoặc phải được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích (nếu giá trị lớn) với thời gian tối đa không quá 10 năm. Thời gian phân bổ và phương pháp phân bổ phải được xem xét lại cuối mỗi năm tài chính. Tuy nhiên, lợi thế thương mại theo IFRS 03 không cho phép khấu hao lợi thế thương mại. Thay vào đó IAS 36 yêu cầu phải xem xét sự giảm giá trị của lợi thế thương mại một năm một lần.

Ngoài ra, một số nội dung khác chẳng hạn như báo cáo vốn chủ sở hữu nên được trình bày như một báo cáo tài chính riêng biệt, hoặc như các chỉ tiêu ngoài bảng nên đưa vào thuyết minh là một việc làm nên được cân nhắc và xem xét.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Nếu lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo VAS 24 như hiện nay thì dòng tiền của hoạt động kinh doanh không phản ánh đúng thực trạng hoạt động kinh doanh vì dòng tiền kinh doanh bị lẫn lộn với dòng tiền đầu tư. Nhà đầu tư sẽ có cái nhìn sai lệch khi xem xét dòng tiền kinh doanh bị âm nếu do ảnh hưởng bất thường từ dòng tiền mua sắm tài sản cố định của doanh nghiệp, đôi khi lại bỏ qua một cơ hội kinh doanh tốt. Ví dụ về sự khác biệt trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Trần Xuân Nam (2009): Giả sử Công ty ABC có lãi thuần sau thuế là 30 tỷ, chi phí khấu hao là 5 tỷ, số dư các khoản tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn phải trả không đổi giữa đầu năm và cuối năm ngoại trừ các khoản

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

phải trả cho nhà cung cấp về công trình xây dựng là 40 tỷ. Thì báo cáo lưu chuyển tiền tệ sẽ là như sau:

Dòng tiền hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng
Lãi thuần sau thuế	30
Cộng chi phí khấu hao	5
Trừ tăng phải trả thương mại	0
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	35

Tuy nhiên, có lẽ vì cách hướng dẫn tài khoản phải trả người bán bao gồm cả phần phải trả cho các nhà cung cấp tài sản dài hạn nên rất nhiều công ty đã không tách phần phải trả cho hoạt động mua tài sản cố định ra khỏi khoản phải trả thương mại nên họ đã lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

Dòng tiền hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng
Lãi thuần sau thuế	30
Cộng chi phí khấu hao	5
Trừ tăng phải trả thương mại	(40)
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5)

Như vậy theo trường hợp 2, cách mà rất nhiều doanh nghiệp VN đang thực hiện, khoản phải trả để xây dựng tài sản cố định (thuộc hoạt động đầu tư) lại được ghi lẫn với hoạt động kinh doanh. Nó làm cho dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh không còn đúng với ý nghĩa của nó nữa. Theo bản chất giao dịch trên, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty là 35 tỷ đồng. Nếu công ty hoạt động bình thường thì các nhà đầu tư sẽ dự đoán hàng năm dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty sẽ dư ra khoảng 35 tỷ đồng để tài trợ cho

các hoạt động khác mà không cần đến các nguồn tài chính từ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu như nhìn báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo cách 2, thì dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là âm 5 tỷ. Đây rõ ràng là vấn đề nghiêm trọng khi dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là số âm. Điều đó có thể làm cho các nhà đầu tư nghĩ rằng hoạt động kinh doanh thông thường của công ty không đủ thu bù chi? Chất lượng các khoản lãi của công ty 30 tỷ cũng như tình hình tài chính của công ty là có vấn đề, không bình thường? Và nếu tiếp tục như vậy công ty có thể sẽ gặp nguy hiểm. Trong báo cáo tài chính của các công ty có đầu tư mua sắm tài sản cố định nhiều mà chưa trả tiền, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh có thể bị âm rất lớn.

Ví dụ minh họa:

Qua hai Bảng 1 & 2, ta nhận thấy các chỉ tiêu tài chính EPS, ROE, ROA đều bị giảm khi áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế, đồng thời chỉ tiêu PE lại gia tăng, do đó dưới chuẩn mực VAS cổ phiếu VNM trở nên hấp dẫn hơn so với trường hợp áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế. Vì vậy, nhà đầu tư nên có bước điều chỉnh và xem xét kỹ lưỡng nhất là khi so sánh với các doanh nghiệp mà báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trước khi ra các quyết định đầu tư.

4. Một số kiến nghị

Dựa vào phân tích trên, phương pháp hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính nên được điều chỉnh theo hướng tiến dần đến sự hòa hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với tình hình phát triển của VN hiện nay, cụ thể như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: điều chỉnh quỹ

Bảng 1: Bảng tóm tắt các chỉ tiêu phân tích của Vinamilk

	Chuẩn mực kế toán Việt Nam		Chuẩn mực kế toán Quốc tế		Chênh lệch giữa IAS và VAS			
					2008		2007	
	2008	2007	2008	2007	+/-	%	+/-	%
EPS (VND)	7.141	5.607	6.204	4.765	-937	-13,12	-842	-15,02
PE	11,57	29,43	13,31	34,63	1,74	15,04	5,20	17,66
ROE	26,28%	22,32%	24,22%	20,03%	-2,06%	-7,85	-2,29%	-10,26
ROA	20,97%	17,76%	18,22%	15,09%	-2,75%	-13,11	-2,67%	-15,01

Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sữa VN năm 2008

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

Bảng 2: Bảng tóm tắt các chỉ tiêu phân tích của FPT

	Chuẩn mực kế toán Việt Nam		Chuẩn mực kế toán Quốc tế		Chênh lệch giữa IAS và VAS			
					2008		2007	
	2008	2007	2008	2007	+/-	%	+/-	%
EPS (VND)	5.959	5.317	5.349	4.839	-610	-10,24	-478	-8,99
PE	8,49	41,56	9,46	45,67	0,97	11,40	4,11	9,89
ROE	34,37%	37,26%	31,59%	34,55%	-2,78%	-8,08	-2,70%	-7,26
ROA	13,65%	13,77%	12,26%	12,53%	-1,39%	-10,24	-1,24%	-9,00

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTCP Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT năm 2008

khen thưởng phúc lợi đang nằm ở phần nguồn vốn sang khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

- Cổ tức trả bằng cổ phiếu: chỉ theo dõi số lượng tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị đầu tư vào công ty cổ phần.

- Cổ tức phải trả: nên ước tính cổ tức phải trả vào cuối năm tài chính và trình bày như một khoản phải trả được tách từ lợi nhuận chưa phân phối từ nguồn vốn và chuyển lên khoản mục phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Hiện nay, đối với việc hướng dẫn hạch toán đối với hai chỉ tiêu quỹ khen thưởng phúc lợi và cổ tức trả bằng cổ phiếu đã được hướng dẫn sửa đổi tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

- Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Vì tầm quan trọng của báo cáo nên tách riêng

thành một báo cáo độc lập thay vì phải để vào bản thuyết minh báo cáo tài chính.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu pha loãng nhằm giúp cho nhà đầu tư có cơ sở để dự đoán lãi cơ bản trên cổ phiếu trong tương lai đối với trường hợp công ty phát hành các công cụ tài chính, vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu pha loãng nên là chỉ tiêu bắt buộc phải trình bày trên báo cáo tài chính.

- Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán: Vì các chỉ tiêu này không phải là các chỉ tiêu quan trọng trong bảng cân đối kế toán, nên chuyển vào phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Kế toán các khoản đầu tư: nên sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi phản ánh giá trị các khoản đầu tư tại báo cáo tài chính riêng.

Ngoài ra, một số vấn đề khác chẳng hạn như hệ thống tài khoản, doanh nghiệp nên được trao quyền chủ động trong việc tự xây dựng một hệ thống tài khoản phù hợp với đặc điểm và tình

hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc từng bước xây dựng thị trường hoạt động tại VN để làm tiền đề áp dụng phương pháp giá trị hợp lý trong hạch toán kế toán nên được cân nhắc và xem xét■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2001-2005), *Hệ thống chuẩn mực kế toán VN*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính - Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán (2008), *Nội dung và hướng dẫn 26 Chuẩn mực kế toán VN*, NXB Thống kê, Hà Nội.
3. Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (2008), *Báo cáo thường niên năm 2008*.
4. Công ty cổ phần sữa VN (2008), *Báo cáo thường niên năm 2008*.
5. Deloitte VN (2008), *Tóm tắt so sánh IFRS và VAS*, Web
6. Võ Thị Ánh Hồng (2008), *Các giải pháp nâng cao tính hữu dụng của thông tin kế toán đối với quá trình ra quyết định của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán*, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
7. Mai Hương (2008), “Chuyển dịch từ IAS sang IFRS – Quốc tế và VN”, Tạp chí *Kiểm toán*.
8. Bùi Công Khánh (2007), “Từ khuôn mẫu lý thuyết kế toán quốc tế nhìn về chuẩn mực chung kế toán VN”, Tạp chí *Kế toán*: số 69.
9. Trần Xuân Nam (2009), “Những sai lệch khiếm khuyết của Báo cáo tài chính VN”, *Đầu tư chứng khoán điện tử*, Hồ Chí Minh.
10. Ngân hàng Thế giới (2002), *Chuẩn mực kế toán Quốc tế*, NXB Thống kê, Hà Nội
11. Đoàn Xuân Tiến (2008), “Hệ thống chuẩn mực VN: Những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện”. Tạp chí *Kế toán*: số 6.
12. Doanh nghiệp A (2008), *Báo cáo tài chính*.
13. Mary E.Barth, Wayne R.Landsman và Mark H.Lang, 01 September 2007, *International Accounting Standards and Accounting Quality*, Stanford University Graduate School of Business Research Paper No. 1976.
14. Mingyi Hung và K.R.Subramabyam, 2007, *Financial Statement effects of adopting international accounting standards: the case of Germany*, Leventhal School of Accounting, Marshall School of Business, University of Southern California, Los Angeles, CA 90089-0441, USA.
15. Robert Harris, 17 October 2007, *Introduction to Decision Making*, Virtual Salt, Web.
16. Graham, Harvey và Rajgopal (2005), “Payout Policy in the 21st century”, *Journal of Financial Economics* 77. 483-528.
17. Geoffrey Mazullo (1999), *Corporate Governance - Updating the German Model*, Web.